TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07-01-2026
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Minh

2. Ông Vũ Văn Thi

- T ký phiên toà: Bà Lê Anh T - T ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXX-ST ngày 25/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thùy L; địa chỉ: Thôn Tự T, xã T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh Đỗ Minh T; địa chỉ: Thôn C, xã A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Phan Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (nay là xã An Quang, thành phố Hải Phòng) năm 2020. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp; đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn với anh Đỗ Minh T.

Về con chung: Chị L và anh T có có một con chung là Đỗ Phan Anh T sinh ngày 20/3/2020 do anh T đang nuôi. Khi ly hôn chị L để cho anh T trực tiếp nuôi con; chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T với mức là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai, quan điểm của anh T trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Thống nhất với trình bày của chị L về thời điểm vợ chồng kết hôn và con chung; thống nhất nguyên nhân mẫu thuẫn vợ chồng và thời điểm ly thân nhau nhưng mong muốn được đoàn tụ. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh nhận trách nhiệm nuôi con; yêu cầu chị L cấp dưỡng với mức 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Thùy L và anh Đỗ Minh T; về con chung, giao con Đỗ Phan Anh T cho anh T nuôi; chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T với mức tính theo quy định của pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Theo điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì nơi bị đơn cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 238 của BLTTDS, Tòa án T hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh T được Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn, huyện An Lão (nay là xã An Quang, thành phố Hải Phòng) cấp chứng nhận kết hôn số 22 ngày 03/6/2020 nên hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, ly thân từ năm 2021 đến nay. Việc anh T không đồng ý ly hôn cũng chỉ làm kéo dài thêm thời gian mà không thể cải thiện được tình cảm vợ chồng; làm cản trở, ảnh hưởng tới đời sống của chị L. Xét mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Các bên có con chung như trình bày là đúng. Anh T có nguyện vọng nuôi con được chị L đồng ý là bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của con nên chấp nhận giao con Đỗ Phan Anh T cho anh T nuôi.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

[5.1] Anh T yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung với mức 3.000.000 đồng/tháng. Chị L trình bày do hiện tại công việc và thu nhập không ổn định, còn phải lo chi phí ăn ở trọ nên chị đồng ý với mức 2.000.000 đồng/tháng; khi nào thu nhập tốt hơn chị sẽ cấp dưỡng nuôi con cùng anh T nhiều hơn.

[5.2] Như vậy các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nên Tòa án sẽ xem xét trên cơ sở quy định của pháp luật. Tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định: "Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con". Mức lương tối thiểu vùng áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng hiện nay là 4.960.000 đồng/tháng. Xét điều kiện nơi sống, sinh hoạt, nhu cầu thiết yêu của con chung cũng như thu nhập, khả năng thực tế của chị L thì chị L cấp dưỡng nuôi con cùng anh T với mức 2.500.000 đồng/tháng là phù hợp.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L anh T đều trình bày vợ chồng không có; không bên nào yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Thùy L và anh Đỗ Minh T.

Về con chung: Giao con Đỗ Phan Anh T sinh ngày 20/3/2020 cho anh Đỗ Minh T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị Thùy L cấp dưỡng nuôi con Đỗ Phan Anh T cùng anh Đỗ Minh T 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Phan Thị Thùy L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí án phí về cấp dưỡng nuôi con chung; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại biên lai số 3463 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị L còn phải nộp 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã An Quang, TP Hải Phòng (ĐKKH số 22/2020);
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng